

CẢN SỬA ĐỔI ĐIỀU 369 - TỘI KHÔNG TRUY CỨ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ NGƯỜI CÓ TỘI

TRẦN ĐÌNH HẢI*

Không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội là tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, được quy định lần đầu trong Bộ luật Hình sự năm 1999. Đây là tội danh còn có nhận thức chưa thống nhất về mặt lý luận, khó khăn trong việc phát hiện, xử lý trên thực tế. Sau lần pháp điển hóa Bộ luật Hình sự năm 2015, mặc dù đã có những sửa đổi, bổ sung nhất định, nhưng hiệu quả áp dụng chưa cao, mà nguyên nhân chính xuất phát từ kỹ thuật lập pháp.

Từ khóa: Không truy cứu trách nhiệm hình sự; người có tội; xâm phạm hoạt động tư pháp.

Nhận bài: 13/3/2020; biên tập xong: 26/3/2020; duyệt bài: 27/3/2020.

Điều 369 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015), quy định về Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội như sau:

1. Người nào có thâm quyền mà không truy cứu trách nhiệm hình sự người mà mình biết rõ là có tội, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

- a) Không truy cứu trách nhiệm hình sự người thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng;
- b) Đối với 02 người đến 05 người;
- c) Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự bỏ trốn hoặc thực hiện hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội

phạm nghiêm trọng;

d) Dẫn đến việc người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự trả thù người tố giác, báo tin về tội phạm, người bị hại, nhân chứng;

đ) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

- a) Đối với 06 người trở lên;
- b) Không truy cứu trách nhiệm hình sự người phạm tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc tội khác là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

* Thạc sĩ, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

c) Người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự tiếp tục thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

d) Làm người bị hại tự sát.

4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

So với BLHS năm 1999, quy định của BLHS năm 2015 đã có những sửa đổi, bổ sung giúp cho quá trình áp dụng pháp luật hiệu quả, chính xác hơn. Tuy nhiên, nội dung điều luật vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cần tiếp tục nghiên cứu, cụ thể:

1. Những bất cập trong quy định của Điều 369

1.1. Về chủ thể

Do điều luật quy định *"người nào có thẩm quyền mà không truy cứu trách nhiệm hình sự..."* nên hiện còn ý kiến cho rằng chỉ những chủ thể có quyền đưa ra những quyết định tố tụng liên quan trực tiếp đến việc khởi tố, kết thúc điều tra, đề nghị truy tố, kỳ cáo trạng... (như Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra (CQĐT), Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân) mới có thể là chủ thể của tội phạm này. Tuy nhiên, thực tế chủ thể (với vai trò người thực hành) của tội này có phạm vi rất rộng, bao gồm tất cả các cá nhân có thẩm quyền trong việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm: thẩm quyền trong quá trình điều tra và truy tố tội phạm, bởi việc cố ý không giải quyết hoặc giải quyết nguồn tin trái pháp luật, tiến hành hoặc tiến hành không đúng các quy định của pháp luật trong việc điều tra, truy tố với mục đích bỏ lọt tội phạm, người phạm tội đều là

hành vi không truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) người có tội. Vì vậy, chủ thể của tội phạm này bao gồm: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT, Điều tra viên, cán bộ điều tra thuộc CQĐT các cấp (CQĐT chuyên trách của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tối cao) khi được giao nhiệm vụ tham gia giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự; Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và cán bộ, công chức khác thuộc Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp khi được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 164 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) và Luật tổ chức CQĐT hình sự năm 2015, khi phát hiện hành vi có dấu hiệu tội phạm trong lĩnh vực và địa bàn quản lý của mình thì các cơ quan của Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biên, Kiểm ngư cũng có thẩm quyền điều tra đối với các tội ít nghiêm trọng và thẩm quyền khởi tố vụ án đối với tội phạm nghiêm trọng. Do đó, các chủ thể có thể phạm tội không truy cứu TNHS người có tội còn có cán bộ, công chức của các cơ quan này.

Mặt khác, theo quy định của BLTTHS năm 2015 và Luật tổ chức CQĐT hình sự, lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an, Trạm Công an khi tiến hành tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu, chuyển các tài liệu, đồ vật có liên quan cho CQĐT có thẩm quyền, bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, thu giữ, tạm giữ

vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật, có liên quan, lập biên bản bắt người, bảo vệ hiện trường, giải người bị bắt lên cơ quan Công an có thẩm quyền (Điều 146 BLTTHS, Điều 44 Luật tổ chức CQĐT hình sự)... mà có hành vi cố ý bỏ lọt tội phạm thì cũng phải chịu TNHS về tội này.

Ngoài ra, các cơ quan khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong khi làm nhiệm vụ, nếu phát hiện sự việc có dấu hiệu tội phạm thì có quyền khởi tố vụ án hình sự, tiến hành hoạt động điều tra ban đầu và chuyển hồ sơ vụ án cho CQĐT có thẩm quyền. Do đó, chủ thể của tội phạm còn có cán bộ, sĩ quan và các chủ thể khác trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân.

Đối với các chủ thể không có thẩm quyền trong việc truy cứu TNHS mà chỉ thực hiện chức năng hỗ trợ, bổ trợ cho hoạt động tố tụng như cán bộ kỹ thuật hình sự, cán bộ hỗ trợ tư pháp, Giám định viên, cán bộ bảo vệ hiện trường, thủ kho vật chứng, cán bộ thuộc cơ sở giam giữ... khi có những hành vi vi phạm trong lĩnh vực công tác của mình thì không xử lý theo tội danh này mà tùy từng trường hợp mà bị xem xét xử lý về các tội xâm phạm hoạt động tư pháp khác như tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, tội vi phạm việc niêm phong, kê biên tài sản...

Như vậy, để xác định chính xác chủ thể của tội này đòi hỏi phải có sự chỉnh sửa trong câu từ của điều luật để đảm bảo tính logic pháp lý và chặt chẽ về kỹ thuật lập pháp.

1.2. Khó khăn trong việc xác định hành vi khách quan trong cấu thành tội phạm

Hành vi không truy cứu TNHS người có tội xuất phát từ việc cố ý áp dụng sai các căn cứ pháp luật về nội dung và trình tự, thủ tục tố tụng để ra các quyết định, thực hiện hoặc không thực hiện hành vi thuộc thẩm quyền nhằm mục đích không truy cứu TNHS người phạm tội. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn quan điểm khác nhau trong việc xác định hành vi khách quan của tội phạm này khi cho rằng đó là những hành vi liên quan trực tiếp đến việc ra quyết định xác nhận một người không phạm tội (quyết định không khởi tố vụ án, quyết định đình chỉ vụ án...). Những người theo quan điểm này cho rằng, “những hành vi này (không truy cứu TNHS người có tội) có thể dưới dạng không hành động, thông qua việc không lập các văn bản quy kết TNHS cho người có tội trong bản kết luận điều tra hoặc trong bản cáo trạng... hoặc dưới dạng hành động thông qua việc lập ra các văn bản loại trừ TNHS cho người có tội ra các quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, biết rõ hành vi của người phạm tội không thuộc trường hợp được miễn TNHS nhưng vẫn cố ý miễn TNHS hoặc chuyển cho các cơ quan chức năng để xử lý bằng các biện pháp khác”. Tác giả không hoàn toàn đồng tình với quan điểm này, vì trên thực tế hành vi khách quan của tội phạm này phong phú hơn rất nhiều. Đặc biệt, ngoài hình thức thể hiện bằng văn bản, trên thực tế, còn có cả hành vi pháp lý của các chủ thể với mục đích bỏ lọt tội phạm, người phạm tội cũng thỏa mãn mặt khách quan của cấu thành tội phạm, đó là một trong số các hành vi sau:

Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an, Trạm Công an, người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Điều tra viên của CQĐT chuyên trách trong Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, CQĐT Viện kiểm sát nhân dân tối cao có hành vi cố ý bỏ lọt tội phạm trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong BLTTHS và Luật tổ chức CQĐT hình sự.

Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra ra quyết định không khởi tố vụ án, không khởi tố bị can, không kết luận điều tra vụ án; ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra đối với người mà mình biết rõ là có tội.

Điều tra viên không lập hồ sơ vụ án, không triệu tập bị can hoặc có triệu tập nhưng không tiến hành hỏi cung bị can và những người tham gia tố tụng khác; không quyết định áp giải bị can; không thi hành lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam, khám xét, thu giữ, tạm giữ; không tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, thực nghiệm điều tra; không tiến hành các hoạt động điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng CQĐT.

Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát ra quyết định không khởi tố vụ án, không ra quyết định khởi tố bị can; ra quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án; quyết định không phục hồi điều tra; quyết định không phê chuẩn các quyết định của CQĐT; không yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; không quyết định việc truy tố.

Kiểm sát viên không kiểm sát việc khởi tố, không kiểm sát các hoạt động điều tra và việc lập hồ sơ vụ án của CQĐT; không đề ra yêu cầu điều tra; không triệu tập và hỏi cung bị can; không triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; không kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam, không tham gia phiên tòa; không đọc cáo trạng, quyết định của Viện kiểm sát liên quan đến việc giải quyết vụ án; không hỏi, đưa ra chứng cứ và thực hiện việc luận tội.

Các hành vi trên của người tiến hành tố tụng chi tòa mà danh này nếu chúng đều nhằm mục đích để lọt người phạm tội hoặc để lọt tội phạm mà chủ thể biết rõ là có tội. Về mặt hình thức, các hành vi phạm tội tồn tại ở cả hai dạng: Văn bản (ra các quyết định để không truy cứu TNHS) và những hành vi tố tụng nhằm mục đích không truy cứu TNHS người phạm tội. Các trường hợp còn lại không với mục đích bỏ lọt tội phạm, người phạm tội chỉ là những vi phạm tố tụng và trách nhiệm được thực hiện theo các quy định pháp luật khác. Quy định như hiện nay của BLHS năm 2015 về Tội không truy cứu TNHS người có tội sẽ gây ra cách hiểu không đầy đủ về hành vi khách quan và hệ quả là chính tội phạm này cũng là đối tượng để bị bỏ lọt.

Một vấn đề khác cần làm rõ là Tội không truy cứu TNHS người có tội sẽ hoàn thành vào thời điểm nào? Đây là nội dung rất quan trọng vì sẽ liên quan đến các giai đoạn thực hiện tội phạm, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định hình phạt khi xét xử người phạm tội. Nếu chỉ căn cứ vào câu chữ của điều luật thì có thể hiểu tội này có

cấu thành hình thức, theo đó tội phạm hoàn thành ngay từ thời điểm chủ thể có hành vi không truy cứu TNHS người mình biết rõ là có tội, bởi trong cấu thành tội phạm không mô tả dấu hiệu hậu quả. Theo tác giả, BLHS năm 2015 chỉ nên quy định đây là tội có cấu thành vật chất, tội phạm hoàn thành khi hậu quả xảy ra, nói cách khác trong cấu thành tội phạm nên mô tả cả dấu hiệu hậu quả đó là tội phạm, người phạm tội bị bỏ lọt. Bởi thực tế có trường hợp chủ thể đã thực hiện các hành vi nhằm không truy cứu TNHS người có tội, nhưng với đặc thù hoạt động tố tụng nếu thời hạn để điều tra, truy tố, thậm chí thời hiệu truy cứu TNHS vẫn còn thì vẫn còn các cơ chế để kiểm soát và khắc phục hậu quả đó. Hơn nữa, chỉ khi có kết quả từ các cơ chế kiểm soát này thì việc chứng minh tội phạm mới đủ căn cứ. Ví dụ: Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT không đồng ý với đề xuất của Điều tra viên mà quyết định theo hướng ban hành quyết định khởi tố; Viện kiểm sát hủy bỏ quyết định không khởi tố của CQĐT và ra quyết định khởi tố; Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo hướng truy cứu TNHS người có tội; Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát theo hướng truy cứu TNHS người có tội... Trong trường hợp này, nếu chủ thể có thẩm quyền bị phát hiện và bị truy cứu TNHS theo Điều 369 BLHS năm 2015 thì được coi là phạm tội ở giai đoạn phạm tội chưa đạt (với lý do khách quan ngoài ý muốn là do bị các cơ quan có thẩm quyền phát hiện, xử lý qua đó hành vi phạm tội không thực hiện được đến cùng). Cũng chính bởi tính đặc thù trong hoạt động tố tụng ở giai đoạn này mà nhà làm luật quy

định hình phạt nhẹ hơn so với một số tội phạm khác có liên quan như Tội truy cứu TNHS người không có tội và Tội làm sai lệch hồ sơ vụ án, bởi với các tội phạm này hậu quả của việc cố ý bỏ lọt người phạm tội sẽ nghiêm trọng hơn.

1.3. *Bắt cập trong định tội danh*

Quy định hiện tại dễ dẫn đến cách hiểu người phạm tội được bỏ lọt trong trường hợp không bị ra quyết định khởi tố bị can hoặc có quyết định đình chỉ với căn cứ theo quy định của BLTTHS đó là hành vi không cấu thành tội phạm. Ví dụ: Trong quá trình giải quyết vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã cố tình suy luận phiến diện và đưa ra quyết định, báo cáo, tham mưu lãnh đạo CQĐT, Viện kiểm sát theo hướng hành vi của đối tượng biết rõ là có tội vào trường hợp phòng vệ chính đáng, hoặc gây thiệt hại trong tình thế cấp thiết hay do sự kiện bất ngờ nhằm loại trừ việc truy cứu TNHS cho đối tượng phạm tội. Tuy nhiên theo tác giả, thực tế còn có một số hành vi khác mà kết quả không phải bằng các quyết định trên nhưng vẫn cấu thành tội không truy cứu TNHS người có tội, đó là: Điều tra viên, Kiểm sát viên cố ý vận dụng pháp luật hình sự để truy cứu TNHS đối tượng theo một tội phạm khác (có thể là tội nặng hay nhẹ hơn tùy theo động cơ cá nhân) mà không truy cứu TNHS đối với một tội phạm cụ thể đúng pháp luật; hoặc có trường hợp Điều tra viên cố ý vận dụng sai pháp luật hình sự để xác định cho đối tượng phạm tội thuộc trường hợp miễn TNHS (như tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội). Ví dụ: Biết rõ là phạm tội giết người, nhưng lại truy cứu TNHS về Tội cố ý gây thương tích; hay biết rõ đối tượng

phạm tội giết người, nhưng lại kết luận hoàn toàn không đúng tính chất của hành vi và áp dụng tình tiết tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội đối với người đó để được miễn TNHS về Tội giết người. Với giá thiết cả hai trường hợp nêu trên chủ thể đều làm đúng trình tự, không có hành vi làm sai lệch hồ sơ vụ án. Tác giả cho rằng, Điều tra viên, Kiểm sát viên đó vẫn bị xem là phạm tội không truy cứu TNHS người có tội. Bởi vì, suy cho cùng mục đích của người đó cũng nhằm bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, việc cố ý lập luận, áp dụng sai pháp luật hình sự chỉ là thủ đoạn nhằm không truy cứu TNHS người có tội.

2. Một số kiến nghị

Trên cơ sở phân tích, chỉ ra những hạn chế trong quy định của Điều 369 BLHS năm 2015 nêu trên, tác giả kiến nghị sửa đổi một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần thống nhất về mặt lý luận khái niệm truy cứu TNHS, có thể hiểu truy cứu TNHS là hoạt động của cơ quan, của người được pháp luật trao quyền thực thi nhằm đặt người bị tình nghi thực hiện tội phạm trước sự phán xét của pháp luật về hành vi và hậu quả do mình gây ra. Thông qua hoạt động truy cứu TNHS, người bị tình nghi sẽ phải đối mặt với việc bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật. Các hoạt động nêu trên sẽ là căn cứ để trả lời có tội phạm xảy ra hay không? người bị tình nghi có phạm tội hay không? và các vấn đề khác có liên quan được quy định tại Điều 85 BLTTHS năm 2015. Vì vậy, cần thống nhất cách hiểu truy cứu TNHS là hành vi của người có thẩm quyền theo

quy định của pháp luật nhằm khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử người bị tình nghi đã thực hiện tội phạm để đảm bảo hành vi phạm tội và tội phạm được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm. Điều này cũng có nghĩa hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm và kết quả giải quyết bằng việc khởi tố vụ án cũng là hoạt động truy cứu TNHS đối với tội phạm, do đó hành vi bỏ lọt tội phạm, người phạm tội trong giai đoạn này cũng thỏa mãn là tội phạm theo quy định của Điều 369.

Thứ hai, sửa tên Tội không truy cứu TNHS người có tội thành Tội bỏ lọt tội phạm, người phạm tội trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố. Trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng là phát hiện, xử lý hành vi phạm tội và tội phạm. Vì vậy, việc đưa yếu tố "tội phạm" vào tên điều luật là hết sức cần thiết, hàm chứa nội dung quy định nhiệm vụ của các cơ quan nêu trên không những không được bỏ lọt người phạm tội mà còn không được bỏ lọt tội phạm. Việc sửa đổi tên điều luật cũng đồng thời tạo căn cứ pháp lý để xử lý triệt để hơn những hành vi cố ý vi phạm trong hoạt động giải quyết nguồn tin về tội phạm nhằm mục đích không truy cứu TNHS người phạm tội.

Bên cạnh đó, tên gọi điều luật như hiện nay là chưa thật sự chính xác, bởi vì rõ ràng việc một người được coi là không bị truy cứu TNHS chỉ đúng nếu vụ án không được khởi tố, điều đó có nghĩa cũng không thể có việc điều tra, truy tố tiếp theo. Còn trong các trường hợp khác, nếu đã khởi tố, điều tra và thậm chí cả truy tố

rồi mới có quyết định đình chỉ thì rõ ràng người đó đã bị truy cứu TNHS. Việc vụ án phải dừng lại vì một lý do nào đó khiến cho một người không phải chịu TNHS không đồng nghĩa với việc cho họ được coi là chưa từng bị truy cứu TNHS. Trong thực tế, một người có thể được Tòa án tuyên không có tội nhưng không thể nói người đó chưa từng bị truy cứu TNHS (vì trước đó đã bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử). Vì vậy, việc sửa đổi tên điều luật là hoàn toàn cần thiết.

Thứ ba, tại khoản 1 của điều luật, kiến nghị sửa cụm từ “*thẩm quyền*” thành “*thẩm quyền và trách nhiệm trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố*” và bổ sung cụm từ “*dẫn đến tội phạm, người phạm tội bị bỏ lọt...*” vào nội dung điều luật. Cách quy định trên sẽ giải quyết triệt để các vấn đề sau: (1) Đề cao trách nhiệm của cán bộ cơ quan tư pháp trong việc chống bỏ lọt tội phạm; (2) Loại trừ được chủ thể là Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; (3) Xác định được đây là tội phạm xảy ra ở giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố; (4) Xác định tội phạm hoàn thành khi tội phạm và người phạm tội chính thức được bỏ lọt; (5) Không gây vướng mắc trong việc xác định chủ thể (đặc biệt là người thực hành) trong tội phạm này do thông thường hay có sự nhầm lẫn người có thẩm quyền phải là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng của đơn vị - những người có thẩm quyền ký các quyết định tố tụng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả giải quyết vụ án. Theo đó, chủ thể của tội phạm cần phải được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ là những người dùng dấu trong các cơ quan tiến hành tố

tụng, mà còn có thể là nhân viên cấp dưới có thẩm quyền trong việc tiến hành hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố hay bắt cứ người có năng lực TNHS nào cũng có thể trở thành chủ thể của tội này với tư cách người đồng phạm.

Thứ tư, sửa cụm từ “*mà mình biết rõ là có tội*” thành “*mà mình biết rõ là phạm tội*” để tránh nhầm lẫn. Bởi lẽ phạm tội là việc thỏa mãn các dấu hiệu của tội phạm được quy định trong BLHS, trong khi đó một người bị xem là “*có tội*” là đã bị Tòa án tuyên bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

Thứ năm, bổ sung dấu hiệu định khung tăng nặng TNHS “*phạm tội vì động cơ vụ lợi*” vào quy định của điều luật. Đặc thù của các tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói chung và Tội không truy cứu TNHS người có tội nói riêng, là thông thường người phạm tội thực hiện hành vi này liên quan đến yếu tố vụ lợi, nhận hối lộ... Động cơ này thể hiện sự toan tính của người phạm tội, sự coi thường pháp luật, mức độ quyết tâm thực hiện tội phạm; qua đó có thể thấy mức độ nguy hiểm của hành vi cao hơn bình thường. Vì vậy, bổ sung quy định trên nhằm nghiêm trị người phạm tội, tăng cường ý thức chấp hành pháp luật của các chủ thể có chức trách, thẩm quyền, nâng cao trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Từ những phân tích trên, tác giả kiến nghị sửa đổi Điều 369 BLHS năm 2015 như sau: “*Người nào có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra, truy tố mà không truy cứu TNHS người mà mình biết rõ là phạm tội dẫn đến tội phạm, người phạm tội bị bỏ lọt...*” □